TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:06/2020/HNGĐ - ST
Ngày:29-06-2020
Về tranh chấp:*"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Lê Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phạm Thị Bích Lệ

2. Bà Lại Thị Mỹ Tâm

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Mai Thị Chiêm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Thu Vân*- Kiểm sát viên VKS nhân dân huyện BB.

Ngày **29** tháng **6** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 101/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXX-ST ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Bà Dương Thị Xuân B, sinh năm 1973(có mặt)

HKTT:Khu phố Lương N, thị trấn S, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Mai Văn Th, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Số ..A, đường Nguyễn Tất Th, thị trấn S, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị Xuân B trình bày:

1.Về hôn nhân:Bà với ông Mai Văn Th có tìm hiểu yêu nhau tự nguyện, không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn nhưng gia đình hai bên thừa nhận. Bà B và ông Th sống chung như vợ chồng từ năm 1991 tại nhà cha mẹ ông Mai Văn Th được vài năm ra ở riêng trên đất do bà và ông Th mua hiện nay xây nhà tại số …A, đường Nguyễn Tất Th, thị trấn S.Trong quá trình sống chung ông Mai Văn Th vô tâm không chia sẽ khó khăn của gia đinh cùng bà nên bà cảm thấy không hạnh phúc nhưng cố gắng chịu đợi các con khôn lớn. mâu thuẫn càng trầm trọng khi ông Th ngày càng có những lời nói xúc phạm ghen tuông làm cho cuộc sống giữa bà và ông Th ngày càng có khoản cách nên ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Mai Văn Th được ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Dương Thị Xuân B và ông Mai Văn Th có 4 người con chung tên Mai Thị Mộng Đ, sinh năm 1992, Mai Thị Ánh M, sinh năm 1994, Mai Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Mai Ngọc Tr, sinh năm 1999. Các con đã trên 18 tuổi có cuộc sống tự lập được.

3.Về tài sản chung:Trong quá trình sống chung bà và ông Th có tạo lập tài sản chung như sau: Một ngôi nhà cấp 4B, diện tích (6x22) m xây trên đất 200m^2 và đất trồng cây lâu năm diện tích 76.5m^2.Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 317741do UBND huyện BB cấp quyền sử dụng bà Dương Thị Xuân B và Mai Văn Th và yêu cầu chia theo quy định pháp luật nhưng sau khi hòa giải bà B thay đổi không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Bị đơn ông Mai Văn Th trình bày tại biên bản lấy lời khai thống nhất hôn nhân giữa ông với bà Dương Thị Xuân B như bà B trình bày có tự nguyện yêu nhau, sống chung như vợ chồng từ năm 1991, không tổ chức cưới và không đăng ký kết hôn là đúng.Nhưng cuộc sống không hạnh phúc là do sau này các con đã lớn, bà B không quan tâm ông, đi chơi với bạn bè không nói nên ông tức và ghen tuông vô cớ chưỡi bà B.Từ đó giữa ông và bà B không còn tình cảm với nhau,tự ai nấy sống theo riêng mình trong một nhà từ 3 năm nay, không ai quan tâm gì với nhau về tình cảm.Bà B yêu cầu ly hôn ông có trao đổi với các con và bà B cứ sống chung như vậy mặc dù không ai quan tâm gì với nhau nhưng bà B không đồng ý thì ông không ý kiến gì do Tòa án quyết định.

Về con chung: Ông Mai Văn Th thống nhất như trình bày của bà Dương Thị Xuân B có 4 người con chung hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà B rút yêu cầu không chia tài sản chung ông đồng ý không phản tố.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Dương Thị Xuân B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Mai Văn Th theo quy định của pháp luật.Thay đổi không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Bị đơn ông Mai Văn Th không yêu cầu phản tố đối với tài sản chung, thống nhất không chia và đề nghị giải quyết hôn nhân giữa ông và bà B theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về quan điểm giải vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 và khoản 2 Điều 196, Điều 175, Điều 196, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự quy định tại Điều 203, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình

năm 2014. Xét thấy: Bà Dương Thị Xuân B và ông Mai Văn Th sống chung với nhau từ năm 1991 đến nay, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị xử không công nhận bà Dương Thị Xuân B với ông Mai Văn Th là vợ chồng;Về con chung: Mai Thị Mộng Đ, sinh năm 1992, Mai Thị Ánh M, sinh năm 1994, Mai Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Mai Ngọc Tr, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét;Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Do bà B và ông Th sống chung như vợ chồng từ năm 1991, không đăng ký kết hôn nhưng có con chung nên bà Dương Thị Xuân B yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân giữa bà và ông Mai Văn Th là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]Về hôn nhân: Bà Dương Thị Xuân B và ông Mai Văn Th tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 cho đến nay đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.Vì vậy, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng cho nên bà B không đồng ý tiếp tục chung sống như vợ chồng cùng ông Mai Văn Th và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và ông Th chấp nhận.Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Xuân B đối với ông Mai Văn Th được ông Th chấp nhận là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không công nhận bà Dương Thị Xuân B vâ ông Mai Văn Th là vợ chồng.

[3]Về con chung: Mai Thị Mộng Đ, sinh năm 1992, Mai Thị Ánh M, sinh năm 1994, Mai Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Mai Ngọc Tr, sinh năm 1999.Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật được quy định tại khoản 1 điều 69 và khoản 4 Điều 70 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]Tài sản chung: Bà Dương Thị Xuân B rút yêu cầu về chia tài sản chung là nhà và đất: +Một ngôi nhà cấp 4B, diện tích (6x22) m xây trên đất 200m^2 và đất trồng cây lâu năm diện tích 76.5m^2.Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 317741do UBND huyện BB cấp quyền sử dụng bà Dương Thị Xuân B và Mai Văn Th đã được ông Mai Văn Th thống nhất, không yêu cầu phản tố.Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Đình chỉ xét xử về yêu cầu đối với tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]Về án phí: Bà Dương Thị Xuân B phải chịu nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Về hôn nhân: Không công nhận bà Dương Thị Xuân B và ông Mai Văn Th là vợ chồng.

[2] Về con chung: Mai Thị Mộng Đ, sinh năm 1992, Mai Thị Ánh M, sinh năm 1994, Mai Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Mai Ngọc Tr, sinh năm 1999.Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành.

[3]Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử về yêu cầu đối với tài sản chung.Người khởi kiện có quyền khởi kiện lại về tài sản chung theo quy định pháp luật.

[2]Về án phí: Bà Dương Thị Xuân B phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006275 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB.Hoàn trả lại bà Dương Thị Xuân B 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nôp.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BB.
- Đương sự
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa